

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Cái Tắc,
tỉnh Hậu Giang đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Công văn số 692/UBND-NCTH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc chủ trương lập các đồ án quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 46/TTr-SXD ngày 20 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Cái Tắc, tỉnh Hậu Giang đến năm 2040, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch:

Đồ án Quy hoạch chung đô thị Cái Tắc, tỉnh Hậu Giang đến năm 2040.

2. Vị trí, phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

Vị trí khu vực lập quy hoạch nằm phía Đông huyện Châu Thành A cách thành phố Vị Thanh khoảng 32km, cách thành phố Cần Thơ khoảng 13km, phạm vi lập quy hoạch bao gồm thị trấn Cái Tắc và xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A. Ranh giới khu vực lập quy hoạch có tổng diện tích tự nhiên khoảng 2.243 ha được giới hạn cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Phong Điền, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ;
- Phía Đông: Giáp xã Đông Phước A và xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành;
- Phía Nam: Giáp xã Long Thạnh và xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp;
- Phía Tây: Giáp xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A.

3. Tính chất đô thị:

a) Là trung tâm giao lưu kinh tế tổng hợp đa ngành của tiểu vùng phía Đông huyện Châu Thành A.

b) Là trung tâm thương mại dịch vụ hỗ trợ phát triển công - nông nghiệp, giáo dục, y tế, vui chơi giải trí cấp vùng.

4. Các chỉ tiêu dân số, đất đai và hạ tầng kỹ thuật đô thị:

a) Quy mô dân số:

- Dự báo dân số đến năm 2030 là 41.600 người.
- Dự báo dân số đến năm 2040 là 54.500 người.

b) Diện tích đất xây dựng đô thị:

- Đến năm 2030 đất dân dụng khoảng 330÷420ha.
- Đến năm 2040 đất dân dụng khoảng 430÷550ha.

c) Các chỉ tiêu sử dụng đất chủ yếu:

- Đất phát triển đô thị: Khoảng 150m²/người.
- Đất dân dụng: 80÷100 m²/người.
- Đất đơn vị ở bình quân toàn đô thị: 28÷ 45m²/người.
- Đất cây xanh công cộng cấp đô thị: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$.
- Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị: $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$.
- + Trường trung học phổ thông: 0,4m²/người.
- + Bệnh viện đa khoa: 0,4m²/người.
- + Sân thể thao cơ bản: 0,6 m²/người hoặc $\geq 1,0$ ha/công trình.
- + Sân vận động: 0,8m²/người hoặc $\geq 2,5$ ha/công trình.
- + Trung tâm văn hoá - thể thao: 0,8m²/người hoặc 3 ha/công trình.
- + Nhà văn hoá: 0,5ha/công trình.

- + Nhà thiếu nhi: 1.0ha/công trình
- + Chợ: 1,0 ha/công trình.
- Bãi đỗ xe đô thị: 3,5 m²/người.
- Tỷ lệ đất giao thông tính đến đường khu vực: $\geq 13\%$.

d) Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

- Cao độ san lấp: $\geq +2,2\text{m}$ (theo cao độ Hòn Dấu).
- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt (Q_{SH}): ≥ 120 lít/người/ngày đêm.
- Tiêu chuẩn thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt 100% chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt.
- Lượng chất thải rắn: 0,9 kg/người.ngày; tỷ lệ thu gom là 100%.
- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: 330 W/người;
- Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng: Bằng 30% phụ tải điện sinh hoạt.
- Chỉ tiêu thông tin liên lạc: 50 thuê bao/100 dân, trong đó internet cố định đạt 15-20 thuê bao/100 dân.

5. Các yêu cầu về công tác điều tra khảo sát hiện trạng, thu thập tài liệu số liệu, đánh giá hiện trạng đô thị:

a) Phân tích điều kiện tự nhiên và các đặc điểm của khu vực:

- Thu thập tài liệu, số liệu, điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội.
- Xác định đặc điểm về khí hậu, địa hình, địa chất, thủy văn, khả năng khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên, các yếu tố cảnh quan tự nhiên, hệ thống cây xanh, mặt nước,... Tiềm năng khai thác quỹ đất xây dựng đô thị.

b) Phân tích, đánh giá hiện trạng đất đai; dân số - lao động; cơ sở kinh tế kỹ thuật; hình thái không gian, kiến trúc, cảnh quan; hạ tầng xã hội; hạ tầng kỹ thuật, môi trường và các yếu tố xã hội có liên quan:

- Thu thập các số liệu xã hội học tổng quan của khu vực lập quy hoạch: Dân số, cơ cấu nghề nghiệp, cơ cấu xã hội theo tuổi, giới tính, cơ cấu gia đình phổ biến, thu nhập. Phân tích xu hướng biến đổi thông qua số liệu của các năm gần nhất.
- Phân tích đặc điểm sử dụng đất và phân khu chức năng của khu vực lập quy hoạch: Đặc điểm phân bố dân cư, đặc điểm của các khu vực công cộng quan trọng, thực trạng phân bố các công trình hạ tầng xã hội của khu vực (quy mô, đặc điểm, mức độ đáp ứng....).
- Phân tích, đánh giá hiện trạng các cơ sở kinh tế - kỹ thuật, nguồn lực đầu tư. Hình thái, cấu trúc và môi trường không gian, kiến trúc, cảnh quan: Hình thái đô thị, kiểu chia ô đất, độ đặc rỗng trong các lô đất, không gian trống trong đô thị, các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa - lịch sử và các cảnh quan đặc trưng khác.

- Phân tích các yếu tố xã hội có liên quan: Tìm hiểu các yếu tố văn hóa, lịch sử, phong tục, tập quán địa phương, khai thác và bảo tồn các khu vực di sản, các công trình trong diện bảo tồn hoặc cần phải bảo tồn trong khu vực.

- Phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nêu rõ và thống kê đầy đủ các nội dung chính của hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Giao thông, san nền, thoát nước mặt, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng đô thị, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang, thông tin liên lạc. Đánh giá các ưu điểm, các vấn đề tồn tại liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật cần giải quyết.

- Phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường đô thị và tài nguyên thiên nhiên: Khảo sát, thống kê đánh giá về chất lượng môi trường đô thị, tiềm năng về tài nguyên. Nhận xét các vấn đề tồn tại cần giải quyết trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và khai thác sử dụng tài nguyên.

- Kết quả của đánh giá hiện trạng của đô thị cần thể hiện các đặc trưng về kinh tế, xã hội; cần làm rõ cái được và chưa được trong quá trình thực hiện quy hoạch có tác động và chi phối các giải pháp quy hoạch trong tương lai và xác định các vấn đề cần giải quyết trong giai đoạn lập quy hoạch.

c) Rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy hoạch đã được duyệt:

Rà soát, thống kê, đánh giá và nhận xét chung về các chương trình, đồ án, dự án trong khu vực lập quy hoạch, tính hiệu quả và sự phù hợp của các đồ án, dự án, chương trình với mục tiêu, tầm nhìn phát triển khu vực. Phân tích, làm rõ phạm vi phát triển của đô thị Cái Tắc.

d) Đánh giá tổng hợp phần hiện trạng:

- Tổng hợp, phân tích được các vấn đề hiện trạng trong đó nêu rõ được các giá trị của hiện trạng cần bảo tồn phát huy, các vấn đề chính cần giải quyết trong quy hoạch chung.

- Xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức làm cơ sở cho việc tạo lập ý tưởng, chiến lược phát triển, đảm bảo tính khả thi, phát triển bền vững cho thị trấn Cái Tắc trong tương lai.

6. Yêu cầu định hướng phát triển không gian đô thị:

a) Xem xét mở rộng hợp lý không gian xây dựng các khu chức năng của đô thị Cái Tắc vào vùng đất trống có lợi thế về kết nối giao thông và kết nối thuận lợi với khu Trung tâm đô thị Cái Tắc (trung tâm hành chính, văn hóa, thể dục thể thao...) để trở thành một khu vực phát triển đô thị mới tập trung, đồng bộ, hiện đại có đặc trưng riêng.

b) Quy hoạch các tuyến đường giao thông đô thị kết nối các chức năng trong đô thị Cái Tắc (khu vực phát triển du lịch, khu dân cư, khu dịch vụ thương mại chuyên ngành...) với hệ thống giao thông đối ngoại, đặc biệt là hệ thống giao thông liên vùng để tạo thuận lợi giao lưu phát triển kinh tế.

c) Xem xét điều chỉnh chức năng sử dụng đất một số khu vực cho phù hợp với định hướng phát triển của huyện Châu Thành A, điều chỉnh định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật quy hoạch chung đã được phê duyệt để phát huy hiệu quả đất đô thị.

d) Phát triển các khu dân cư mới, tăng quỹ đất ở, đất công viên cây xanh, quảng trường cho đô thị. Bổ sung quỹ đất xây dựng các công trình tạo động lực phát triển đô thị như công trình dịch vụ thương mại, du lịch, công nghiệp.

đ) Cải tạo chỉnh trang, hoàn thiện nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, các khu dân cư nông thôn hiện trạng từng bước hướng đến đô thị loại IV, tạo kết nối với khu vực xây dựng mới trong đó có mạng lưới giao thông, đường dây đường ống kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

7. Yêu cầu về phân khu chức năng và quy hoạch sử dụng đất:

a) Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng đô thị: Các khu hiện có hạn chế phát triển, các khu cần chỉnh trang, cải tạo, các khu cần bảo tồn, tôn tạo, các khu chuyển đổi chức năng; khu phát triển mới, khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển, các khu dự kiến xây dựng công trình ngầm.

b) Ngoài các vùng đất phát triển các khu chức năng đô thị đã được xác định tại quy hoạch chung đã được phê duyệt, tiếp tục nghiên cứu mở rộng vùng phát triển đô thị để bố trí quỹ đất xây dựng cụm dịch vụ thương mại hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu du lịch sinh thái, các khu dân cư, công trình công cộng, quảng trường văn hóa đô thị, công viên cây xanh.

c) Phát triển các tuyến giao thông vành đai, các trục giao thông kết nối giữa các khu vực, tạo ra không gian liên kết liên hoàn trong đô thị. Thiết kế một mạng lưới giao thông hoàn chỉnh có khả năng đáp ứng tốt hoạt động của đô thị Cái Lắc trong lâu dài và thúc đẩy giao lưu phát triển kinh tế, đảm bảo gắn kết hài hòa giữa khu dân cư hiện trạng với khu vực xây dựng mới và vùng dân cư nông thôn khác trong huyện Châu Thành A.

d) Xem xét vị trí thích hợp xây dựng bổ sung các công trình hạ tầng xã hội, dịch vụ công cộng... trong các khu vực đô thị để đảm bảo nhu cầu sử dụng và bán kính phục vụ.

đ) Khu vực dân cư hiện trạng nghiên cứu giữ nguyên, cải tạo để nâng cao chất lượng môi trường ở. Khu vực đô thị mới quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật hợp lý, đồng bộ, hiện đại đảm bảo theo các quy chuẩn, quy định.

e) Xác định các chỉ tiêu về diện tích, mật độ xây dựng, quy mô dân số, hệ số sử dụng đất, tầng cao xây dựng trong các phân khu chức năng. Định hướng nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng, các giải pháp về phân bố quỹ đất thành các lô cho phù hợp với từng chức năng sử dụng đất cụ thể.

8. Yêu cầu về định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội:

Đề xuất quy mô và giải pháp phân bố hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội theo các cấp, đảm bảo phát triển bền vững, gồm: Khu, cụm công nghiệp tập trung; trung tâm dịch vụ - thương mại; khu du lịch; khu trung tâm hành chính; trung tâm y tế; giáo dục - đào tạo; văn hóa, thể dục thể thao; vui chơi giải trí; nhà ở và phân bố dân cư; không gian xanh và các trung tâm chuyên ngành khác.

9. Yêu cầu về thiết kế đô thị:

a) Mục tiêu chung về thiết kế đô thị:

- Phát triển đô thị phải hiện đại, hấp dẫn, giàu bản sắc, dựa trên cấu trúc cảnh quan và sinh thái tự nhiên của khu vực, đặc biệt là cảnh quan quanh khu vực sông Ba Láng, sông Cái Tắc, kênh Đất Sét, kênh Xáng Bộ..., phải được khai thác triệt để.

- Phát triển cấu trúc đô thị phù hợp với điều kiện văn hóa xã hội, trong đó nâng cấp, cải tạo và khai thác các khu đô thị hiện hữu, tăng cường khả năng giao lưu và tạo sự hấp dẫn của đô thị du lịch thông qua hệ thống không gian công cộng, quảng trường, không gian cảnh quan tự nhiên.

b) Xác định vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị:

- Xác định khu vực hiện hữu; khu vực dự kiến phát triển mới; khu vực cảnh quan thiên nhiên, nhân tạo, khu vực bảo tồn và khu vực đặc thù.

- Định hướng về hình ảnh đô thị và không gian kiến trúc theo tính chất, mục tiêu phát triển của từng khu vực.

c) Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường lớn, điểm nhấn đô thị:

- Định hướng tổ chức không gian khu vực cửa ngõ đô thị về không gian kiến trúc cảnh quan, xác định vị trí và diễn họa ý tưởng hình khối các công trình điểm nhấn theo các hướng, tuyến giao thông chính hướng vào trong đô thị.

- Tổ chức các trục không gian chính: Định hướng kiến trúc cho các trục đường chính, các khu vực đặc trưng trong đô thị theo nguyên tắc đảm bảo sự chuyên tiếp về hình ảnh kiến trúc đô thị đã phát triển qua các giai đoạn; đề xuất các trục chính đặc trưng khu vực đô thị; đề xuất bảo tồn, khai thác cảnh quan thiên nhiên hiện hữu về địa hình, cây xanh, sông hồ, mặt nước, bổ sung thiết kế cảnh quan nhân tạo.

- Tổ chức không gian quảng trường: Xác định quy mô, tính chất của quảng trường trong đô thị; nghiên cứu không gian kiến trúc cảnh quan xung quanh quảng trường.

- Tổ chức không gian tại các điểm nhấn đô thị: Xác định vị trí điểm nhấn của toàn đô thị và từng khu vực đô thị; trường hợp điểm nhấn là công trình kiến trúc hoặc cụm công trình kiến trúc, cần đề xuất định hướng về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan xung quanh cho phù hợp; trường hợp tận dụng cảnh quan tự nhiên làm điểm nhấn cần có định hướng tôn tạo, khai thác.

d) Tổ chức không gian cây xanh, mặt nước:

- Tổ chức không gian cây xanh: Xác định không gian xanh của đô thị, bao gồm cây xanh theo tuyến, cây xanh công viên hoặc đồi núi tự nhiên, nhân tạo trong đô thị; giải pháp cây xanh trong các trục không gian chính, các khu đô thị.

- Tổ chức không gian mặt nước: Đề xuất quy định bảo tồn, khai thác, phát huy cảnh quan mặt nước tự nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái, đề xuất vị trí quy mô các hồ nước nhân tạo bổ sung cho đô thị.

10. Yêu cầu định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

- Điều chỉnh mạng lưới đường thị trấn cho đồng bộ, phân tích rõ vai trò, chức năng đối nội - đối ngoại; khắc phục các hạn chế của quy hoạch chung đô thị Cái Lắc được phê duyệt; rà soát, khớp nối, thống nhất các quy hoạch, dự án liên quan; gắn kết chặt chẽ với giao thông vùng, quốc gia, tạo thành hệ thống giao thông hoàn chỉnh.

- Quy hoạch hệ thống giao thông phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và chỉ tiêu đô thị loại IV; xác định chỉ giới đường đỏ các tuyến đường cấp đô thị và hệ thống hào, tuy nèn kỹ thuật; hoạch định quy mô, tiến độ đầu tư các tuyến giao thông chính.

- Đề xuất các giải pháp tổ chức giao thông đảm bảo an toàn và hành lang bảo vệ các công trình giao thông.

- Xác định vị trí, tính chất, quy mô các công trình đầu mối giao thông: Bến, bãi đỗ xe cấp đô thị, đầu mối giao thông chính,... Xác định tính chất, quy mô các nút giao cắt giữa các tuyến giao thông quan trọng, dành quỹ đất hợp lý để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Phân tích đánh giá sự phù hợp, bất cập của nền xây dựng hiện trạng, hiện trạng thoát nước mặt, phân chia các lưu vực thoát nước chính, tìm hiểu, đánh giá tình hình ngập úng trên địa bàn, khoanh định các vùng thường xuyên ngập úng hàng năm.

- Phân tích, đánh giá tình hình hoạt động vận hành của các hồ điều hòa, các tuyến mương, hệ thống cống thoát nước mưa và các công trình thủy lợi.

- Nhận định, đánh giá về các vấn đề thiên tai như: ngập lụt, sụt lún, trượt, xói lở, sông rạch.

- Đánh giá những việc đã làm được và chưa làm được của việc triển khai, thực hiện theo quy hoạch trong công tác chuẩn bị kỹ thuật trong thời gian qua.

- Cập nhật các dự án, đồ án quy hoạch đã được phê duyệt và đánh giá sự phù hợp và sự bất hợp lý của các dự án, đồ án quy hoạch.

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng bao gồm: Các loại đất đã khai thác sử dụng, đất thuận lợi cho xây dựng, đất ít thuận lợi cho xây dựng, đất không thuận lợi cho xây dựng và tỷ lệ của các loại đất đó.

- Xác định và thể hiện rõ những khu vực cấm xây dựng, hạn chế xây dựng và những chướng ngại vật thiên nhiên hoặc nhân tạo khác.

- Cập nhật và triển khai theo định hướng của các đồ án quy hoạch cấp trên và các đồ án quy hoạch có liên quan. Đưa ra giải pháp hoặc gợi ý giải pháp khắc phục cho những dự án, đồ án quy hoạch bất hợp lý gây cản trở việc thoát nước của đô thị.

- Xác định cao độ không chế xây dựng cho từng khu vực và các trục giao thông chính, giải pháp phòng chống, khắc phục các tác động của thiên tai: ngập lụt, sụt lún, trượt, xói lở, sông rạch và thoát lũ trên sông.

- Xác định giải pháp san nền cho từng khu vực, phương án thoát nước mưa, xác định lưu vực, trục thoát nước chính, hướng thoát nước chính, kích thước cống chính, vị trí cửa xả.

c) Cấp nước và chữa cháy:

- Xác định chỉ tiêu cấp nước và dự báo tổng hợp nhu cầu dùng nước toàn đô thị, bao gồm chỉ tiêu cấp nước cho sinh hoạt, công cộng, sản xuất, dịch vụ...

- Lựa chọn nguồn nước, đề xuất các giải pháp cấp nước phù hợp với các giai đoạn phát triển, xác định quy mô, công suất các công trình đầu mối cần cải tạo nâng cấp và các công trình xây dựng mới, đề xuất sơ bộ dây chuyền công nghệ xử lý nước.

- Thiết kế quy hoạch mạng lưới đường ống cấp nước, giải pháp cấp nước chữa cháy, giải pháp về bảo vệ nguồn nước và các công trình đầu mối cấp nước.

d) Cấp điện và chiếu sáng đô thị:

- Xác định chỉ tiêu, dự báo nhu cầu sử dụng điện theo các phụ tải qua các giai đoạn phát triển của đô thị, phân vùng phụ tải, lựa chọn nguồn điện phù hợp, đáp ứng với nhu cầu phụ tải.

- Xác định các nguồn điện cung cấp cho đô thị, đề xuất các giải pháp cấp điện lưới truyền tải và phân phối theo hướng hiện đại, đảm bảo mỹ quan đô thị, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xác định các chỉ tiêu và nhu cầu sử dụng điện chiếu sáng theo các nhóm công trình, các giải pháp cụ thể về nguồn cấp, lưới điện, các giải pháp chiếu sáng cho các khu chức năng của đô thị,...

đ) Thông tin liên lạc:

- Dự báo các loại hình dịch vụ mạng thông tin liên lạc cho toàn đô thị, nhu cầu sử dụng mạng lưới thông tin liên lạc của toàn khu vực và nhóm công trình qua các giai đoạn phát triển của đô thị.

- Xác định quy mô các trạm, các mạng truyền dẫn di động và các công trình phụ trợ.

- Thiết kế xây dựng mạng lưới thông tin liên lạc theo hướng hiện đại, đảm bảo mỹ quan đô thị, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

e) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Xác định các chỉ tiêu, dự báo lượng nước thải, chất thải rắn phát sinh trong khu vực quy hoạch

- Xác định nguồn tiếp nhận nước thải, phân chia lưu vực thoát nước thải, vị trí và quy mô các trạm bơm, trạm xử lý nước thải, sơ bộ đề xuất công nghệ xử lý nước thải, lựa chọn và thiết kế quy hoạch hệ thống thoát nước thải.

- Xác định vị trí, quy mô các trạm trung chuyển, phạm vi thu gom, vận chuyển chất thải rắn trong đô thị, vị trí, quy mô các cơ sở xử lý chất thải rắn sơ bộ đề xuất công nghệ xử lý, kế hoạch và nguồn lực thu gom, xử lý triệt để chất thải rắn.

- Xác định nhu cầu đất nghĩa trang theo các giai đoạn phát triển, vị trí, quy mô các khu nghĩa trang, nhà tang lễ.

11. Yêu cầu đề xuất các giải pháp bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường:

a) Đề xuất giải pháp quy hoạch phân vùng về môi trường để phục vụ công tác quản lý, giám sát môi trường trong tương lai đối với các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu.

b) Đề xuất giải pháp kỹ thuật cho việc hạn chế, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn, sinh thái... cũng như tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch.

c) Đề xuất giải pháp cơ chế chính sách, tăng cường nhận thức, nâng cao năng lực trong công tác bảo vệ môi trường, thích ứng, giảm thiểu biến đổi khí hậu; duy trì các xu hướng tích cực và hạn chế các xu hướng tiêu cực khi thực hiện quy hoạch. Định hướng yêu cầu về đánh giá tác động môi trường khi thực hiện một số dự án trọng tâm của đô thị theo quy hoạch đề xuất.

d) Đề xuất chương trình theo dõi, giám sát chất lượng môi trường, trong đó thể hiện các nội dung đề xuất về quản lý, giám sát chất lượng môi trường, rủi ro của biến đổi khí hậu trong quá trình triển khai quy hoạch; một số thông số môi trường và địa điểm cần theo dõi, giám sát.

12. Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư, nguồn lực thực hiện:

a) Xác định quy hoạch sử dụng đất xây dựng đến năm 2030, vị trí, quy mô xây dựng các công trình trọng điểm, các dự án đang triển khai, đề xuất các dự án cần ưu tiên đầu tư, tiêu chí lựa chọn dự án ưu tiên, dự kiến phân bổ nguồn vốn và đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch, kế hoạch hành động theo các giai đoạn phát triển của đô thị.

b) Xây dựng lộ trình thực hiện phù hợp với khả năng tài chính của đô thị cũng như thu hút các nguồn vốn trong xã hội đáp ứng các chỉ tiêu còn thiếu, còn yếu theo tiêu chuẩn của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13.

13. Thành phần và nội dung hồ sơ đồ án quy hoạch:

Thực hiện theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

14. Tổ chức thực hiện:

- a) Chủ đầu tư lập quy hoạch: Sở Xây dựng.
- b) Cơ quan thẩm định quy hoạch: Sở Xây dựng.
- c) Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức lập đồ án quy hoạch theo nội dung Nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp các dữ liệu cần thiết và bản đồ đã số hóa cho Sở Xây dựng để lập đồ án quy hoạch nhằm đảm bảo sự trùng khớp với bản đồ địa hình.

Điều 4. Giám đốc: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Châu Thành A; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NCTH.PM

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòa